ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
ĐẢNG ỦY XÃ LÙNG PHÌNH
*
Số 172 -KH/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lùng Phình, ngày 26 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
thực hiện Kết luận số 58-KL/TW, ngày 26/6/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới

---

Căn cứ Kế hoạch số 116-KH/TU, ngày 15/8/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai về thực hiện Kết luận số 58-KL/TW, ngày 26/6/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới; Ban Thường vụ Đảng ủy xã Lùng Phình ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Kết luận số 58-KL/TW và Kế hoạch số 116-KH/TU của Tỉnh ủy; tạo chuyển biến rõ nét từ yêu cầu củng cố tổ chức sang nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, năng lực quản trị và tổ chức thực hiện ở cơ sở.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ xã và các tổ chức đảng trực thuộc; phát huy vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng ở cơ sở, gắn công tác xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị và chăm lo đời sống Nhân dân.

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nội dung và hình thức sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư chi bộ và đảng viên; tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện, phân công nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá và sàng lọc đảng viên.

- Chủ động tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên, nhất là quần chúng ưu tú tại các thôn, người dân tộc thiểu số, đoàn viên, hội viên, lực lượng trẻ, người có uy tín và các địa bàn, lĩnh vực còn khó khăn về nguồn; bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng.

– Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng; chuẩn hóa, số hóa và cập nhật dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên; triển khai hiệu quả Sổ tay đảng viên điện tử,

Thẻ đảng viên điện tử, Hồ sơ đảng viên điện tử và các nền tảng dùng chung theo hướng dẫn của cấp trên.

2. Yêu cầu

-Việc triển khai phải bám sát Kết luận số 58-KL/TW, Kế hoạch số 116-KH/TU, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, nghị quyết đại hội Đảng bộ xã và các quy định, hướng dẫn hiện hành; đồng thời phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy và chính quyền địa phương 2 cấp.

- Phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc *"sáu rõ, một xuyên suốt"*: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; một nhiệm vụ - một đầu mối xuyên suốt; đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị và bí thư chi bộ.

- Các nhiệm vụ của Kế hoạch được lồng ghép vào chương trình công tác của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, chương trình kiểm tra, giám sát và các kế hoạch có liên quan; không làm phát sinh thủ tục, hồ sơ, chế độ báo cáo không cần thiết.

- Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, chất lượng tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ đảng viên, sản phẩm công việc, mức độ chuyển biến ở cơ sở và sự đồng thuận, tín nhiệm của Nhân dân làm căn cứ đánh giá.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; định kỳ sơ kết, đánh giá, cập nhật nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của xã.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Đảng bộ xã Lùng Phình và các tổ chức đảng trực thuộc trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và chất lượng tổ chức thực hiện ở cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín, tinh thần trách nhiệm, tiên phong, gương mẫu; đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% chi bộ trực thuộc duy trì nghiêm chế độ sinh hoạt định kỳ, sinh hoạt chuyên đề theo quy định; 100% tổ chức đảng được đánh giá chất lượng sinh hoạt theo tiêu chí, chỉ số cụ thể; kịp thời chấn chỉnh tình trạng sinh hoạt hình thức, nội dung chung chung, ít bàn giải pháp thực hiện nhiệm vụ.

- Phấn đấu hằng năm có từ 90% trở lên tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% tổ chức đảng thực hiện rà soát, đánh giá thực chất chất lượng đảng viên hằng năm.

- Phấn đấu có từ 75% trở lên tổ chức đảng trong số đã triển khai đạt các tiêu chí của mô hình *"chi bộ bốn tốt", "đảng bộ trực thuộc bốn tốt"* theo hướng dẫn của cấp trên; nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả, phù hợp với điều kiện của xã.

- 100% đảng viên đang công tác được cấp ủy, chi bộ phân công nhiệm vụ cụ thể, gắn với nhiệm vụ chính trị, địa bàn, nhóm đối tượng hoặc lĩnh vực phụ trách; kết quả thực hiện nhiệm vụ là căn cứ quan trọng trong đánh giá, xếp loại hằng năm.

- Duy trì 100% thôn có chi bộ; tiếp tục phấn đấu bảo đảm các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đảng viên là người dân tộc thiểu số; chủ động tạo nguồn, phát triển đảng viên ở những địa bàn, lực lượng còn khó khăn về nguồn.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch tạo nguồn và phát triển đảng viên theo chỉ tiêu cấp trên giao; chú trọng nâng cao chất lượng kết nạp; phấn đấu tăng số đảng viên mới là người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, đoàn viên, hội viên, người có uy tín và quần chúng tiêu biểu so với giai đoạn trước.

- 100% cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý được rà soát, chuẩn hóa, cập nhật theo yêu cầu *"đúng, đủ, sạch, sống"*; 100% tổ chức đảng triển khai và sử dụng hiệu quả Sổ tay đảng viên điện tử theo hướng dẫn của cấp trên.

– Từng bước số hóa các thủ tục, nghiệp vụ công tác đảng thuộc phạm vi được phép; phấn đấu đến năm 2030 đạt tối thiểu 80% thủ tục, nghiệp vụ đủ điều kiện được thực hiện trên môi trường số và tối thiểu 90% mức độ tham gia sinh hoạt, học tập trên môi trường số, phù hợp hạ tầng và hướng dẫn của cấp trên.

- Hằng năm đưa nội dung thực hiện Kết luận số 58-KL/TW và Kế hoạch này vào chương trình kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và nâng cao nhận thức, trách nhiệm

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Kết luận số 58-KL/TW, Kế hoạch số 116-KH/TU và Kế hoạch này đến các cấp ủy, chi bộ, cán bộ, đảng viên bằng hình thức phù hợp; gắn nội dung quán triệt với nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa bàn.

- Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng; chú trọng xây dựng văn hóa Đảng tiên phong, trí tuệ, đổi mới, liêm chính, phụng sự Tổ

quốc, phục vụ Nhân dân; chủ động nắm tình hình tư tưởng, định hướng dư luận và đấu tranh phản bác thông tin sai trái, xuyên tạc, nhất là trên không gian mạng.

- Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; đưa kết quả thực hiện Kế hoạch vào nội dung kiểm điểm, đánh giá tập thể, cá nhân hằng năm.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo

- Ban Thường vụ Đảng ủy thường xuyên rà soát, đánh giá thực chất tình hình các tổ chức đảng trực thuộc; kịp thời củng cố tổ chức đảng hoạt động còn hạn chế, nhất là về chất lượng sinh hoạt, quản lý đảng viên và thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Rà soát, bổ sung quy chế làm việc của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy; quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, phù hợp với mô hình tổ chức sau sắp xếp.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng hiện đại, dân chủ, sát cơ sở; Đảng ủy quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền, tăng cường phân cấp, giao quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình; không làm thay chức năng quản lý nhà nước của UBND xã.

- Triển khai thực chất mô hình *"chi bộ bốn tốt", "đảng bộ trực thuộc bốn tốt"* theo hướng dẫn; kịp thời biểu dương, nhân rộng mô hình, cá nhân tiêu biểu. Rà soát điều kiện phát triển tổ chức đảng trong khu vực ngoài nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập hoặc lĩnh vực mới trên địa bàn; chủ động hướng dẫn, hỗ trợ khi đủ điều kiện.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã được phân công phụ trách địa bàn, lĩnh vực thường xuyên nắm tình hình, dự sinh hoạt chi bộ, hướng dẫn, đôn đốc và kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy giải quyết khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ

- Duy trì nghiêm nền nếp sinh hoạt định kỳ, sinh hoạt chuyên đề; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; phát huy tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu và tính phòng ngừa trong sinh hoạt đảng.

- Đổi mới nội dung sinh hoạt theo hướng ngắn gọn, thiết thực, giải quyết đúng vấn đề trọng tâm của địa bàn, cơ quan, đơn vị; dành thời gian thảo luận giải pháp, phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định sản phẩm và kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của kỳ sinh hoạt trước.

- Đối với chi bộ thôn, tập trung bàn những nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân, giảm nghèo, phát triển sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xây dựng đời sống văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết và thực hiện các phong trào ở cơ sở.

- Từng bước đa dạng hình thức sinh hoạt phù hợp với đặc thù địa bàn, điều kiện công tác và cư trú của đảng viên; việc ứng dụng hình thức trực tuyến, nền tảng số chỉ thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, bảo đảm an toàn, bảo mật.

– Định kỳ đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ; kịp thời hướng dẫn, chấn chỉnh chi bộ có nội dung sinh hoạt hình thức, chưa gắn với nhiệm vụ chính trị hoặc chưa phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư chi bộ và đảng viên

- Đổi mới giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật; xây dựng *"hình mẫu người đảng viên trong kỷ nguyên mới",* thực hành "*4 kiên định"* theo định hướng của Trung ương; phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Thực hiện nghiêm việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên; nhiệm vụ phải cụ thể, có thời hạn, sản phẩm và khả năng kiểm tra, đánh giá; gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại đảng viên và trách nhiệm nêu gương, nhất là người đứng đầu.

- Chủ động rà soát, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, bí thư, phó bí thư chi bộ về nghiệp vụ công tác Đảng, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức thực hiện, quản trị, kỹ năng số, kỹ năng nắm tình hình và xử lý các vấn đề phát sinh từ cơ sở.

- Quan tâm phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ cấp ủy kế cận, cán bộ trẻ có năng lực, triển vọng; phát huy uy tín, kinh nghiệm của đảng viên cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng trong giáo dục, dẫn dắt quần chúng và thế hệ đảng viên trẻ.

5. Đổi mới công tác tạo nguồn, phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên mới

- Hằng năm, Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo rà soát nguồn phát triển đảng viên ở từng chi bộ; giao chỉ tiêu phù hợp với nguồn quần chúng, đặc điểm địa bàn, lĩnh vực; xây dựng danh sách nguồn và kế hoạch bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách cụ thể.

- Chú trọng tạo nguồn trong đoàn viên, hội viên, lực lượng trẻ, người dân tộc thiểu số, cán bộ thôn, người có uy tín, quần chúng tích cực trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự, giáo dục, y tế, văn hóa, chuyển đổi số và các phong trào tại cơ sở.

- Phân công cấp ủy viên, đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ quần chúng ưu tú; gắn việc tạo nguồn với môi trường thực tiễn, nhiệm vụ khó, phong trào thi đua, hoạt động cộng đồng để đánh giá động cơ, phẩm chất, năng lực và mức độ cống hiến.

- Thực hiện đầy đủ các bước nhận xét, thẩm tra, bồi dưỡng, giới thiệu, xem xét kết nạp theo quy định; tuyệt đối không chạy theo số lượng, không hạ thấp tiêu chuẩn, điều kiện, không xem xét kết nạp khi chưa được rèn luyện, thử thách đầy đủ.

6. Tăng cường quản lý đảng viên, rà soát, giáo dục, rèn luyện và sàng lọc

- Rà soát, cập nhật đầy đủ hồ sơ, thông tin, tình hình đảng viên; quản lý chặt chẽ đảng viên đi làm ăn xa, đảng viên được miễn sinh hoạt, đảng viên thường xuyên di biến động và các trường hợp thay đổi nơi cư trú, công tác.

- Thực hiện tốt công tác nắm bắt tư tưởng, dư luận trong cán bộ, đảng viên; chủ động phát hiện, giải quyết từ cơ sở những vấn đề phát sinh; tăng cường giáo dục, nhắc nhở, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa.

- Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, rèn luyện, đánh giá, sàng lọc và quản lý đảng viên; định kỳ rà soát những trường hợp không tham gia sinh hoạt, không thực hiện nhiệm vụ được phân công, giảm sút ý chí phấn đấu hoặc vi phạm quy định để xem xét, xử lý theo thẩm quyền, quy trình.

- Kịp thời biểu dương, nhân rộng đảng viên tiêu biểu, có thành tích, sản phẩm cụ thể, đóng góp thiết thực cho cơ quan, đơn vị, thôn và cộng đồng; lấy tinh thần phục vụ Nhân dân và sự tín nhiệm của quần chúng làm một căn cứ quan trọng trong đánh giá.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng

- Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu tổ chức đảng và đảng viên; bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", thống nhất giữa hồ sơ giấy và dữ liệu điện tử, đáp ứng yêu cầu kết nối, liên thông theo hướng dẫn của cấp trên.

- Triển khai, hướng dẫn sử dụng hiệu quả Sổ tay đảng viên điện tử; thực hiện Thẻ đảng viên điện tử, Hồ sơ đảng viên điện tử và các nền tảng số dùng chung khi có hướng dẫn, bảo đảm đồng bộ, an toàn, bảo mật thông tin.

- Từng bước số hóa các biểu mẫu, danh sách, sổ theo dõi và quy trình nghiệp vụ thuộc phạm vi được phép; ưu tiên nội dung thường xuyên sử dụng, không làm tăng thủ tục hành chính, hồ sơ hoặc chế độ báo cáo.

- Tăng cường kỹ năng số cho cấp ủy viên, bí thư chi bộ và cán bộ làm công tác Đảng; khuyến khích sử dụng dữ liệu, công cụ số để theo dõi tiến độ, giao việc, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Ban Xây dựng Đảng chủ trì theo dõi dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên; phối hợp Văn phòng Đảng ủy và các cơ quan liên quan bảo đảm hạ tầng, quản lý, khai thác dữ liệu đúng quy định, an toàn, bảo mật.

8. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phát huy giám sát của Nhân dân

- Đưa việc thực hiện Kết luận số 58-KL/TW và Kế hoạch này vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả kiểm tra, giám sát.

- Tập trung kiểm tra những nội dung dễ phát sinh hạn chế: chất lượng sinh hoạt chi bộ; thực hiện nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; quản lý, phân công nhiệm vụ, đánh giá và sàng lọc đảng viên; công tác tạo nguồn, kết nạp đảng viên; cập nhật dữ liệu; việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp.

- Kết hợp kiểm tra hồ sơ với kiểm tra thực tế, giám sát thường xuyên và đánh giá sản phẩm, kết quả nhiệm vụ; chủ động cảnh báo, phát hiện vi phạm từ sớm, từ xa; chú trọng hiệu quả sau kiểm tra, không chạy theo số lượng cuộc kiểm tra.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; kịp thời tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin có liên quan đến trách nhiệm, đạo đức công vụ, tinh thần phục vụ Nhân dân của cán bộ, đảng viên theo quy định.

9. Sơ kết, tổng kết, biểu dương và nhân rộng mô hình hiệu quả

- Hằng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện gắn với tổng kết công tác xây dựng Đảng; xác định rõ nội dung hoàn thành, chưa hoàn thành, nguyên nhân, trách nhiệm và nhiệm vụ khắc phục trong năm tiếp theo.

- Tổ chức sơ kết việc thực hiện Kết luận số 58-KL/TW vào năm 2028 và tổng kết vào năm 2030 theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; kịp thời đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

- Kịp thời biểu dương, nhân rộng tổ chức đảng, đảng viên, bí thư chi bộ và mô hình có cách làm hay, hiệu quả; đồng thời chấn chỉnh, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thực hiện chưa nghiêm hoặc để nhiệm vụ chậm tiến độ kéo dài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Đảng ủy: Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ nghe báo cáo, cho ý kiến tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; chỉ đạo kiểm tra, đánh giá kết quả; chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp trên về kết quả thực hiện trên địa bàn xã.

Giao Thường trực Đảng ủy trực tiếp chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch; phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành theo dõi, phụ trách địa bàn, lĩnh vực; định kỳ kiểm tra tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân xã: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và sự lãnh đạo của Đảng ủy, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan; phối hợp các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên hoàn thành nhiệm vụ; bảo đảm nguyên tắc Đảng ủy lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, không để cấp ủy làm thay chức năng quản lý nhà nước.

3. Các cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng:

3.1 Ban Xây dựng Đảng, Đảng ủy: Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu triển khai Kế hoạch; hướng dẫn các chi bộ về tổ chức xây dựng Đảng, sinh hoạt chi bộ, quản lý đảng viên, tạo nguồn và phát triển đảng viên; tham mưu đào tạo, bồi dưỡng cấp ủy viên, bí thư chi bộ; chủ trì rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, triển khai Sổ tay đảng viên điện tử và các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực tổ chức xây dựng Đảng; theo dõi, tổng hợp, tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo cấp có thẩm quyền.

3.2 Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: Chủ trì tham mưu đưa nội dung thực hiện Kết luận số 58-KL/TW và Kế hoạch này vào chương trình kiểm tra, giám sát; tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên; chủ động cảnh báo, phát hiện, tham mưu xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.

3.3 Văn phòng Đảng ủy: Phối hợp tham mưu bảo đảm điều kiện phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hội nghị quán triệt, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; phối hợp quản lý, khai thác dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm hạ tầng và an toàn thông tin; thực hiện công tác văn thư, lưu trữ và chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

4. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội: Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tổ chức các phong trào, cuộc vận động làm môi trường rèn luyện, phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu quần chúng ưu tú; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và phản ánh mức độ tín nhiệm của Nhân dân đối với cán bộ, đảng viên.

5. Các chi bộ trực thuộc Đảng ủy: Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế, cụ thể hóa thành nội dung triển khai tại chi bộ; rà soát tổ chức, đảng viên, nguồn phát triển Đảng; duy trì nghiêm sinh hoạt, phân công nhiệm vụ, quản lý đảng viên; tổ chức tự kiểm tra, đánh giá kết quả. Bí thư chi bộ chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy về chất lượng sinh hoạt, quản lý đảng viên, thực hiện nhiệm vụ chính trị và các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

6. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã: Theo địa bàn, lĩnh vực được phân công, thường xuyên nắm tình hình, dự sinh hoạt, hướng dẫn, đôn đốc các

chi bộ; kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy những vấn đề phát sinh và chịu trách nhiệm về kết quả theo dõi, phụ trách địa bàn, lĩnh vực.

V. CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO

1. Các chi bộ trực thuộc thực hiện tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch gắn với đánh giá nhiệm vụ hằng tháng, quý và năm; không xây dựng thêm chế độ báo cáo nếu nội dung đã được tổng hợp trong báo cáo công tác xây dựng Đảng định kỳ.

2. Ban Xây dựng Đảng, Đảng ủy chủ trì tổng hợp kết quả, tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy đánh giá định kỳ; phối hợp Văn phòng Đảng ủy báo cáo cấp trên theo thời gian, nội dung và biểu mẫu được hướng dẫn; kịp thời tham mưu điều chỉnh nhiệm vụ khi có chỉ đạo mới.

3. Hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện; lấy kết quả hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch làm một căn cứ xem xét đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và trách nhiệm người đứng đầu; biểu dương kịp thời tập thể, cá nhân thực hiện tốt, chấn chỉnh những trường hợp thực hiện chưa nghiêm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kết luận số 58-KL/TW, ngày 26/6/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII trên địa bàn xã Lùng Phình. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực ĐU, HĐND,UBND xã;
- Các cơ quan TMGV Đảng ủy;
- MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội;
- Các cơ quan đơn vị trên địa bàn;
- Các chi bộ trực thuộc;
- Lưu Văn phòng, BXD Đảng, Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY XÃ LÙNG PHÌNH
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI

Trần Hoàng Tuân

PHỤ LỤC

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 172-KH/ĐU, ngày 26/8/2026 của Đảng ủy xã Lùng Phình)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện
I. Về tổ chức cơ sở đảng					
1	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm.	%	≥90	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
2	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ theo tiêu chí, chỉ số cụ thể.	%	100	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
3	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt mô hình "chi bộ bốn tốt", "đảng bộ cơ sở bốn tốt" trên tổng số tổ chức đã triển khai.	%	≥75	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
4	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng ban hành, rà soát, bổ sung quy chế làm việc, quy chế phối hợp phù hợp với mô hình tổ chức và yêu cầu nhiệm vụ.	%	100	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
5	Tỉ lệ thôn có chi bộ.	%	Duy trì 100	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
6	Tỉ lệ thôn có đảng viên.	%	Duy trì 100	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện
7	Tỉ lệ thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đảng viên là người dân tộc thiểu số.	%	Duy trì 100	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
II. Về phát triển đảng viên					
8	Tỉ lệ kết nạp đảng viên hằng năm so với tổng số đảng viên của xã.	%	Phấn đấu đạt 3,5	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
9	Số đảng viên là người dân tộc thiểu số được kết nạp trong giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng viên	Cao hơn giai đoạn 2022 - 2025	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
10	Số đảng viên là học sinh được kết nạp bình quân hằng năm.	Đảng viên	Phấn đấu ≥02	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
11	Đối với cơ quan, đơn vị Nhà nước, lực lượng vũ trang,	-	Bảo đảm chặt chẽ tiêu chuẩn, điều kiện	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
III. Về chất lượng đội ngũ đảng viên và cấp ủy cơ sở					
12	Tỉ lệ đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm.	%	≥90	Các chi bộ trực thuộc (Bí thư chi bộ)	Ban Xây dựng Đảng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện
13	Tỉ lệ bí thư cấp ủy cơ sở có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên.	%	≥95	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
14	Tỉ lệ trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận là đảng viên.	%	≥90	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
15	Tỉ lệ đảng viên đang công tác được phân công nhiệm vụ cụ thể, gắn với địa bàn, nhóm đối tượng, lĩnh vực phụ trách.	%	100	Ban Chấp hành ĐU (Phó bí thư)	Ban Xây dựng Đảng
16	Tỉ lệ chi ủy viên chi bộ thôn có trình độ trung học phổ thông.	%	Phấn đấu 100 (đến năm 2030)	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc Ban Xây dựng Đảng
IV. Về chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng ở cơ sở					
17	Tỉ lệ hồ sơ, dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên được số hóa, cập nhật, quản lý trên hệ thống theo hướng dẫn của Trung ương.	%	100	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Văn phòng Đảng ủy; Các chi bộ trực thuộc
18	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng triển khai, sử dụng hiệu quả Sổ tay đảng viên điện tử.	%	100	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
19	Tỉ lệ cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định.	%	100 theo lộ trình của Tỉnh ủy	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Văn phòng Đảng ủy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện
20	Tỉ lệ thủ tục, nghiệp vụ công tác đảng được số hóa, thực hiện trên môi trường số.	%	≥80	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Văn phòng Đảng ủy; Các chi bộ trực thuộc
21	Tỉ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt, học tập trên môi trường số đối với nội dung, đối tượng đủ điều kiện.	%	≥90	Ban Xây dựng Đảng (Trưởng ban)	Các chi bộ trực thuộc
V. Về quản lý, rà soát, sàng lọc đảng viên					
22	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng thực hiện rà soát, đánh giá thực chất chất lượng đảng viên hằng năm.	%	100	Các chi bộ trực thuộc	Ban Xây dựng Đảng; Ủy ban Kiểm tra